

Trang Phật Pháp

Chúng tôi học Kinh

KINH THẮNG MAN

Tâm Minh ghi.

Cũng như những bộ Kinh trước, Kinh này được học từ những năm 80 nhưng bây giờ mới ghi lại, tuy nhiên riêng Kinh này, hồi đó chúng tôi học bằng cuốn Kinh “mỏng tanh” của Thầy Tuệ Sỹ giảng (có trước năm 75) - cuốn sách mà Thầy bảo là “mới hoàn tất phần đại cương nhưng phải tạm thời xếp vào giá sách vì người viết đi theo định nghiệp của mình hay của cả dân tộc ?”

Cuốn Kinh này hồi đó rất khó kiếm, cái tên nghe cũng rất lạ tai và khi đi vào nội dung thì hết sức hứng thú, bởi vì lâu nay những người nói Kinh hay đại diện thánh chúng thưa gởi với đức Phật toàn là nam giới, như ngài Vô Tận Ý Bồ tát, ngài Tu Bồ Đề, ngài Văn Thù Sư Lợi, ngài A Nan, Thiện Tài Đồng Tử, v.v.. Nay là một phụ nữ, là Thắng Man phu nhân, một người phụ nữ vương giả mà dám “đăng đàn thuyết pháp” về Như lai tạng, về giáo lý đại thừa, nói đến đâu thì được đức Phật khen đến đó, thật là chuyện hy hữu đối với đất nước Ấn Độ nói riêng và trong những xã hội Á Đông nói chung, xã hội có truyền thống “trọng nam khinh nữ.”

Một điều kỳ diệu hơn nữa là sự tương thông tâm linh giữa đức Phật và Thắng Man phu nhân: ngay khi Thắng Man phu nhân nghĩ đến Ngài, thì ngài hiện tiền ngay dù ngài chưa từng rời khỏi tinh xá và Thắng Man phu nhân cũng chưa rời hoàng cung ... Một lần nữa chúng ta nhận ra rằng Thắng Man phu nhân quả thật đại diện cho một nhân cách vĩ đại; nhân cách vĩ đại ấy không phải do nơi địa vị cao sang của một vị vua hay một hoàng hậu hay một đẳng nam nhi ... hay những gì tương tự, mà chính là do bởi chí nguyện cao cả và hành động thực tiễn của chí nguyện ấy .



Cuốn “Thắng Man giảng luận” mà sư phụ Tuệ Sỹ dịch giải sau này được in ra rất nhiều từ những năm 2000; vì vậy những bài viết này cũng được bổ sung nhiều chỗ. Có một kỷ niệm vui giữa Thầy và anh chị em Vạn Hạnh 2 chúng tôi, xin kể ra đây : Khi chúng tôi học bộ Kinh này, Thầy đang còn “du hí tam muội” ở những nơi rất xa nên có thắc mắc gì không thể chạy đi tìm Thầy để hỏi như hồi Thầy đang còn ở Già Lam ; vì vậy chúng tôi hẹn sẽ hỏi Thầy ngay khi được gặp lại. Năm 1999 gặp lại Thầy chúng tôi hỏi ngay : Thầy ơi, tại sao những chữ “từ bi” trong kinh Thắng Man Thầy đổi thành “tình yêu” hết hờ Thầy ? Tình yêu là “love” còn từ bi là “compassion”; tình yêu là nhỏ hẹp như ao hồ, còn từ bi là rộng lớn như biển cả, tình yêu là đầy ngã tính còn từ bi là vô ngã, tình yêu là ích kỷ nhỏ nhen ghen tương hờn giận, còn từ bi là đem vui cứu khổ, coi cái đau của người là cái đau của mình v.v..

Các Bạn có biết Thầy trả lời sao không ? Thầy để cho chúng tôi nói cho “đã” rồi Thầy mới ung dung nói rất hiền lành và dễ thương rằng: Các anh chị có lý, tui không cãi các anh chị, nhưng tui nói lý do tại sao tui dùng “tình yêu” mà không dùng “từ bi.” Trước hết, tình yêu không cứ là tình yêu nam nữ nhỏ hẹp mới gọi là tình yêu đâu (tình yêu quê hương xứ sở, tình yêu thiên nhiên, tình yêu nhân loại, ...) thứ nữa, mình thương một vài người, một nhóm người v.v.. thì dễ hơn là thương tất cả chúng sanh. Khi nói đến từ bi là nhớ đến đức Quán Thế Âm, mình làm sao mà thương tất cả chúng sanh như bồ tát Quán Thế Âm được ? Nghe to tát quá, khó làm quá, thế cho nên tui chọn chữ “tình yêu” thay cho chữ “từ bi” vậy ! - Thật là đơn giản, làm chúng tôi nhớ đến câu kết của

kinh Thắng Man : ***Chí nguyện Đại thừa, mặc dù là chí nguyện cao cả, thậm chí bậc đại trượng phu không thể dễ dàng đảm đương, nhưng chí nguyện ấy cũng vô cùng đơn giản, thậm chí trẻ thơ bảy tuổi cũng có thể hiểu và cũng có thể biểu hiện bằng hành động cụ thể.***

Xin trở lại với những buổi học Kinh Thắng Man của anh chị em chúng tôi.

Cũng như những buổi học Kinh trước, chúng tôi đi vào các bài học mà anh chị em đã thu thập được khi đọc các phẩm Kinh ... nhưng như đã thưa trên đây, bài này được ghi lại ở thời điểm mà cuốn “Thắng Man giảng luận” của Thầy đã được soạn lại, nên xin có một ghi chú về sự khác nhau giữa 2 cuốn Kinh tạm gọi là “bản nháp” và bản đã hoàn thành của Thầy.

Kinh Thắng Man (cũ)	Thắng Man Giảng Luận (mới)
Chương mở đầu : Giới thiệu tổng quát	Chương I : Giới thiệu tổng quát
Chương I : Bồ Tát Tâm Và Quy Y	Chương II : Bồ Đề Tâm và Quy Y
Chương II : Bồ Tát Giới	Chương III : Bồ tát Giới
Chương III : Chí nguyện của Bồ tát	Chương IV: Bồ tát nguyện
Chương IV: Sứ mạng của hành động	Chương V: Bồ tát hành
Chương V: Cứu cánh của Bồ Tát Đạo	Chương VI: Cứu cánh của Bồ tát Đạo
Chương VI: Các chủ đề tư tưởng	Chương VII: Thánh Đế và Niết Bàn
(Sách cũ đến đây là hết)	Chương VIII :Như Lai Tạng
	Chương IX : Pháp thân
	Chương Kết : Thắng Man nhân cách lý tưởng

Như vậy, chúng ta thấy rằng trong cuốn sách mới, Thầy đã khai triển nhiều về “các chủ đề tư tưởng.” Do đó, chúng tôi xin ghi lại lịch trình học Kinh trước đây và phần bổ sung ở các Chương mà sau này chúng tôi đã thu thập thêm được.

Buổi học thứ nhất gồm chương mở đầu và chương I với những vấn đề chính :

- * Giải thích đề Kinh và lịch sử truyền dịch
- ** Tư tưởng chủ yếu
- *** Bồ đề tâm



I. GIẢI THÍCH ĐỀ KINH VÀ LỊCH SỬ TRUYỀN DỊCH :

Điểm đặc biệt cuốn hút anh chị em chúng tôi là phần giải thích đề Kinh : Có tất cả 15 tên gọi khác nhau mà đức Phật đề ra cho Kinh này ! Tên nghe rất dài mà không thể “ước lược” được ; đề Kinh thông dụng tổng hợp tất cả những chữ quan trọng trong các đề khác nhau ấy, đó là : **Thắng Man Sư Tử Hống Nhất Thừa Đại phương tiện phương quảng Kinh.**

Chỉ cần giải thích đề Kinh, đi sâu vào chi tiết thì chúng ta hiểu được “thân thế và sự nghiệp” của Thắng Man phu nhân luôn ! Đây là bài học thứ nhất của anh chị em chúng tôi trong buổi học hôm nay, gồm nhiều bài học nhỏ .

Thắng Man phu nhân là con gái của vua Ba Tư Nặc và Mạt Lị phu nhân; Thắng Man là vương phi của vua Hữu Xứng. Vua Ba Tư Nặc và Mạt Lị phu nhân là 2 đệ tử tại gia của đức Phật Thích Ca. Thắng Man tiếng Phạn có nghĩa là tràng hoa của sự tốt đẹp, thánh thiện. Giải thích chi tiết đề Kinh:

1) Thắng Man : có 2 ý nghĩa (thực tế và tượng trưng)

Thực tế, bản kinh này do Thắng Man phu nhân nói.

Tượng trưng, Thắng Man phu nhân là nhân cách tượng trưng cho tinh thần tuyệt đối bình đẳng của Đại thừa: Bồ tát đạo không phải là con đường dành riêng cho các hàng thánh giả, cho các vị xuất thế hay cho một hạng người đặc biệt xuất chúng nào, mà là cho tất cả mọi người, không phân biệt giàu nghèo, sang hèn, vì Phật tánh vốn bình đẳng trong tất cả chúng sanh .Vì thế, chí nguyện và trách nhiệm Đại thừa vẫn có thể được một người nữ Phật tử như Thắng Man phu nhân đảm trách một cách trọn vẹn .

2) Sư Tử Hống : Mấy chữ này thường thấy trong các Kinh - là “tiếng rống của con sư tử” được dùng để chỉ cho tiếng nói của đại trí - có các ý nghĩa sau :

*Quyết định thuyết : lời nói chắc thật, đúng với việc làm.

**Vô úy thuyết : nói với sự xác tín, không do dự, không sợ hãi.

***Như thuyết tu hành : thực hành, tu tập đúng như chánh pháp.

3) Nhất Thừa: Ý nghĩa như chữ nhất thừa trong Kinh Pháp Hoa , đó là giáo lý của đức Phật chỉ có một mục đích duy nhất là dẫn chúng sanh đến giải thoát và giác ngộ như Ngài.

4) Đại Phương Tiện : Cũng thường được gọi là “phương tiện quyền xảo” là khả năng thuyết giảng, hướng dẫn sao cho thích hợp với căn cơ trình độ của mỗi chúng sanh .

Bồ tát đạo được thực hiện trên nền tảng Đại Trí và Đại Bi hay Đại Hạnh ; với đại trí, Bồ tát học tập quán sát để nhìn suốt được bản tánh chân thật của vạn pháp, thấy được rằng thế giới này xuất hiện như bọt bong bóng, như sương khói, như ánh chớp, như chiêm bao ... nghĩa là thấu suốt lý duyên khởi; nhưng mặc dù thấy được sự rỗng không của vạn hữu, bồ tát không hề nhằm chán thế gian mà vẫn dùng phương tiện trí để diu dắt, giáo hoá chúng sanh vì lòng đại bi thương xót chúng sanh. Vì phải cứu độ chúng sanh nên bồ tát không ngại ra vào sinh tử luân hồi như chúng sanh nhưng đó là nguyện, là phương tiện, không phải nghiệp.

Chữ “đại” có nghĩa là phổ biến và bao quát.

5) Phương quảng : Kinh này được gọi là “phương quảng Kinh” vì :

Đây là một bản kinh Đại thừa,
Nội dung bao hàm rộng lớn của Kinh.
Căn cứ cho lợi ích và an lạc cho tất cả
chúng sanh.

Lịch sử truyền dịch:

Bản Hán dịch của Kinh này là của Pháp sư Đàm Ma (397-418) hiện nay không còn tìm thấy nữa.

Bản dịch kế đó là của Cầu Na Bạt Đà La (424-453) ; hiện nay có 7 bản chú giải, dịch, chú giải, giảng luận v.v...:

1) **Thắng Man Bảo Khột** : Của cát Tạng, người chuyên học Trung Luận và phát triển tư tưởng tánh Không của Long Thọ.

2) **Thắng Man Nghĩa Ký** : Của Tuệ Viễn đời Tùy, bản chú giải này chỉ còn đến hết chương III

3) **Thắng Man dịch Thuật ký**: Của Khuy Cơ đời Đường ; Sư là một đệ tử xuất sắc của ngài Huyền Trang chuyên xiển dương tông chỉ Duy Thức của Vô Trước và Thế Thân.

4) **Thắng Man Kinh nghĩa** : Sớ của Thánh Đức Thái Tư (Nhật) ; sau khi Kinh này được chú giải, nữ hoàng của Nhật (Suy Cổ Thiên Hoàng) và các cung nữ thọ 10 đại thọ ! Đây là **bài học thứ 2** đây ý nghĩa mà anh chị em chúng tôi học được nhưng không thực hành được. Thật vậy, ở Nhật, kinh vừa được chú giải xong là nữ hoàng và cung nữ thọ 10 đại thọ liền, còn mình đã học kinh Thắng Man, lại có sách dịch thật hay của sư phụ Tuệ Sỹ nữa mà chưa ai dám thọ 10 đại thọ !! ☺ ☺ !!

5) **Thắng Man Kinh Sớ nghĩa Tư Sao** : Khi bản chú giải của Thánh Đức Thái Tư được truyền vào Trung Hoa thì Minh Không đời Đường (772) dựa theo đó viết sớ nghĩa này.

6) **Thắng Man như nhân hội**: Bồ Đề Lưu Chi dịch phần lớn các Kinh thuộc Đại Bảo Tích; bộ này gồm 49 hội, 120 quyển ; Thắng Man thuộc hội 48, được gọi là Thắng Man như nhân hội.

7) **Thắng Man Giảng Luận** : Bản Việt dịch và giảng của Thầy Tuệ Sỹ , Thầy căn cứ chính yếu vào bản Hán của Cầu Na Bạt Đà La và đối chiếu với các bản khác, đặc biệt với bản của Bồ Đề Lưu Chi có những điểm khác biệt, Thầy đều ghi chú rõ ở phần chú thích của mỗi chương.

II. TƯ TƯỞNG CHỦ YẾU:

Tư tưởng chủ yếu của phần mở đầu này gồm có ba: * Chí nguyện Đại thừa
** Thực tiễn hành động
*** Sở học bao la

* **Chí nguyện đại thừa** : Hiểu được bằng lý trí rằng “Phật tánh bình đẳng trong tất cả chúng sanh” vốn không phải là khó, anh chị em chúng ta ai cũng có thể hiểu được, nhưng có đức tin mãnh liệt, kiên quyết thể hiện để thành tựu thì chưa chắc hàng thánh giả đã cho là dễ ; bởi vì ngay như tôn giả Xá Lợi Phất một đại đệ tử Phật, sau khi chứng đắc A La Hán vẫn còn than trách căn tánh thấp kém của mình vì trước đây đã không gieo hạt giống đại thừa, không đi theo Bồ Tát Đạo, con đường của Như Lai, để có thể thành tựu phẩm tánh siêu việt của Như Lai, để có đủ khả năng giáo hóa chúng sanh; tôn giả đã than rằng:

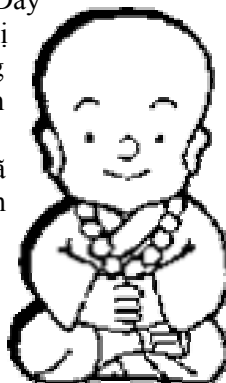
*Tôi ở nơi hang động,
Trong rừng dưới gốc cây,
Hoặc ngồi, hoặc kinh hành
Thường tư duy việc ấy.
Hỡi ôi, đáng trách thay!*

Tại sao tự coi thường

*Chúng ta cũng Phật tử
Cũng nhập pháp vô lậu
Nhưng vị lai không thể
Diễn thuyết Đạo Vô Thượng.*

Ở đây Thắng Man phu nhân phát khởi chí nguyện đại thừa - đúng là một biến cố vĩ đại. Thắng Man không phải chỉ mong được học hỏi và thấu triệt vô biên Phật Pháp, mà còn hứa tự mình gánh vác trách nhiệm lớn lao là giáo hoá chúng sanh cũng như sẵn sàng xả bỏ thân mạng vì sự tồn tại của chánh pháp và vì lợi ích của tất cả chúng sanh.

** **Thực tiễn hành động**: Sau khi phát khởi chí nguyện đại thừa, Thắng Man đã đưa ra một chương trình hành động cụ thể mà người nữ có thể thực hiện được. Thắng Man cũng nói rõ : Không vì riêng mình mà thực hành 4 nhiếp sự. Đây là **bài học thứ 3** của anh chị em chúng tôi : Không phải chỉ có giới thanh niên trí thức (diễn hình là Thiện tài Đồng Tử, của Hoa Nghiêm) hay chỉ có giới cư sĩ cao niên (diễn hình là Duy Ma Cật) với cuộc sống phóng khoáng thông dong, không câu nệ hình sắc danh tướng, mới thực hành bồ tát đạo một cách hiệu quả, mà Thắng Man phu nhân với tất cả ràng buộc của thân tình, với nhiều bồn phận : làm con, làm dâu, làm mẹ, làm vương phi v.v.. cũng vẫn thực hành bồ tát đạo bằng cung cách trang nhã khiêm cung của



mình, bằng từ ái, thương yêu, không bỏ qua bất cứ một cơ hội đem vui cứu khổ nhỏ nhặt nào, từ sự quan tâm săn sóc lo lắng cho những người cô quả, cô cút, yếu hèn thấp kém cần nâng đỡ, cho đến những sinh hoạt của đoàn thể, cộng đồng, Tăng thân tu học v.v..

***** Sở học bao la:** Tư tưởng chủ đạo của Kinh Thắng Man được đặt căn bản trên thuyết Như Lai tạng, cũng giống như trong Kinh Lăng Già và Luận Đại Thừa Khởi Tín. Như Lai Tạng là tự tánh thanh tịnh sẵn có trong mỗi chúng sanh ; Như lai tạng cũng chính là cái thức tánh luôn thúc đẩy chúng ta chạy đuổi theo dục vọng hư huyền bên ngoài. Để đạt đến sự tin tưởng vững chắc và hiểu biết sâu xa về Như Lai tạng, phu nhân Thắng Man khởi đi từ nhận định về thực trạng của sinh tử. Sinh tử xuất hiện dưới 2 hình thái : **phần đoạn sinh tử** và **biến dịch sinh tử**.

Phần đoạn sinh tử : là quan niệm cho rằng đời sống bắt đầu từ lúc lọt lòng mẹ đến lúc thân tứ đại tan rã .

Biến dịch sinh tử : là sinh tử trong từng sát na ; ai đã thấy được biến dịch sinh tử mới thấy được thực chất của đời sống, thấy được thực tánh duyên khởi trùng trùng vô tận, thấy được những mối quan hệ giữa mình và thế giới, giữa cái cá biệt và cái toàn thể. Từ đó có thể nâng cao nhận thức của mình một bậc : Nếu chưa tìm thấy hạnh phúc chung của mọi người thì hạnh phúc ấy chưa phải là hạnh phúc cao nhất, nói cách khác, nếu chỉ lo tìm sự giải thoát cho thân tứ đại này, cho sự còn mất của bản thân mình thì đó chưa phải là giải thoát trọn vẹn.

Đây chính là bài học thứ 4 của anh chị em chúng tôi

Đến đây chúng tôi mới thực sự hiểu được anh Như Tâm ngày xưa khi Anh bảo rằng “phải đập vỡ cái vỏ trứng” - Lúc trước nghe câu nói này cứ tưởng Anh cho mình còn “con nít”, chưa thoát ra khỏi cái vỏ để được là “chú gà con” nữa ! Không ngờ đây là cái vỏ vô minh, là bức màn tối ngăn che không cho chúng ta thấy được cái nhỏ nhiệm, vi tế của biến dịch sinh tử, cái vô thủy vô chung của dòng sống.

III. BỒ ĐỀ TÂM :

Bài học thứ 5 của anh chị em chúng tôi là định nghĩa Bồ đề tâm của Thầy :

Bồ đề tâm, đó là chí nguyện nóng bỏng của một chúng sanh tự thấy mình đang sống trong cảnh tối tăm, giữa đọa đày khổ nhục, mong tìm một con đường sáng không những để giải thoát bản thân khỏi

những đe dọa áp bức mà còn là để giải thoát cho tất cả những người cùng cảnh ngộ.

Nhưng Tâm nguyện bồ đề ấy, hạt giống Phật ấy chỉ có thể phát khởi khi được gieo trồng trên mảnh đất khô cằn, đau khổ của sinh tử, được tưới bằng nước từ bi để gốc rễ của lòng tin (tín tâm) được vững bền thì cây mới phát triển lớn mạnh và trở hoa giác ngộ. Sự gieo hạt giống ấy chính là “quy y”. Vì vậy quá trình Quy, Giới, Nguyện và Hành của Bồ tát đạo chính là những giai đoạn gieo giống, vun xới, chăm bón, tưới tắm cho hạt giống bồ đề lớn mạnh thành cây trái xanh tươi.

Ở đây chúng tôi rút được bài học thứ 6; đó là : tầm quan trọng của sự phát bồ đề tâm trên nền tảng chánh tín ; giống như ở Hoa Nghiêm, ngài Văn Thù Sư Lợi đã nhắc nhở Thiện Tài Đồng Tử rằng : “*Nếu rời khỏi tín căn, tâm thấp kém, u u tư và hối hận, công hạnh không tròn đủ, ý chí thoái hoá, không thực hành các hạnh và nguyện một cách thiện xảo, không được thiện tri thức nâng đỡ, không được chư Phật hộ niệm*”

Thắng Man đến với đức Phật chỉ bằng lòng tin thuần túy, và đức tin mạnh đến nỗi chỉ đọc thư của cha mẹ giới thiệu Ngài thì Thắng man phu nhân đã ứng khẩu đọc ngay lời tán dương đức Phật :

*Cúi lạy Phật Thế Tôn,
Xuất hiện vì thế gian
Xin cũng thương tưởng con,
Cho con thấy tôn nhan*

Tâm niệm ấy vừa phát
Phật hiện giữa hư không;
với tịnh quang sáng chói
rạng ngời tối thắng thân

Anh chị em chúng tôi kết thúc buổi học đầu tiên hôm nay với bài kệ này và hẹn nhau về đọc và tìm hiểu các chương II, III, IV để buổi học tiếp theo sẽ cùng nhau trao đổi và chia xẻ những bài học trong đó.

